

Số: 04/2023/QĐST-DS

Càng Long, ngày 13 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 638/2022/TLST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Xét thấy: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960 thuộc diện là người cao tuổi và ông N, bà P có đơn xin miễn nộp tiền án phí phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên miễn phần tiền án phí mà ông N và bà P có nghĩa vụ nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam. Trụ sở chính: Số 1* Trần Hữu D, khu đô thị mới M, huyện T, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: ông Nguyễn Văn N; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện C. Địa chỉ: Số 27*, khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông N: ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 27*, khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953;

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960;

3. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983;
4. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1994;
5. Chị Võ Huỳnh N, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn Tr: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953. địa chỉ: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền trả, thời gian trả và án phí cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: ông Nguyễn Văn N; bà Nguyễn Thị P; anh Nguyễn Văn Th; anh Nguyễn Văn Tr và chị Võ Huỳnh N tự nguyện trả cho Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện C số tiền vay còn nợ cả gốc và lãi là 504.960.000 (*Năm trăm lẻ bốn triệu, chín trăm sáu mươi nghìn*) đồng (trong đó: nợ gốc là 400.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 27/01/2023 là 104.960.000 đồng) theo hợp đồng tín dụng số: 7411-LAV-202004655, ngày 19/8/2020.

Về thời hạn trả tiền: ông Nguyễn Văn N; bà Nguyễn Thị P; anh Nguyễn Văn Th; anh Nguyễn Văn Tr và chị Võ Huỳnh N tự nguyện thỏa thuận từ nay cho đến ngày 27/4/2023 (dương lịch) trả 50.000.000 đồng tiền gốc và 104.960.000 đồng tiền lãi. Số tiền gốc còn lại là 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/01/2023 của hợp đồng tín dụng số: 7411-LAV-202004655, ngày 19/8/2020 thì ông Nguyễn Văn N; bà Nguyễn Thị P; anh Nguyễn Văn Th; anh Nguyễn Văn Tr và chị Võ Huỳnh N sẽ thanh toán trong thời gian chậm nhất đến ngày 19/8/2023.

Kể từ ngày 28/01/2023, ông Nguyễn Văn N; bà Nguyễn Thị P; anh Nguyễn Văn Th; anh Nguyễn Văn Tr và chị Võ Huỳnh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 7411-LAV-202004655, ngày 19/8/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện C.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn N; bà Nguyễn Thị P; anh Nguyễn Văn Th; anh Nguyễn Văn Tr và chị Võ Huỳnh N tự nguyện nộp 12.100.000 đồng (mỗi người nộp 2.420.000 đồng). Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P thuộc diện người cao tuổi và ông N với bà P có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn một phần tiền án phí mà ông N và bà P có nghĩa vụ nộp; ông N và bà P mỗi người chỉ phải nộp 1.210.000 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện C 11.940.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0013663, ngày 21/12/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung